

Số: 46 /TB - THPTHB

Hoành Bồ, ngày 05 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai thông báo các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ , hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 04 năm 2026

Thực hiện điểm b khoản 2 điều 2 của Nghị Quyết số 68/2025/NQ- HĐND tỉnh Quảng Ninh ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả thu, chi các khoản thu, chi dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 04 năm 2026;

Trường THPT Hoành Bồ thông báo kết quả thu chi các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 04 năm 2026.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Nơi nhận:

- Thông báo Website;
- Hội đồng trường;
- Cán bộ giáo viên, nhân viên;
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Định



**BẢNG NIÊM YẾT CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU, CHI DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THÁNG 04 NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số 4/6 ngày 05 tháng 05 năm 2026 của trường THPT Hoàng Bồ)

STT	Nội dung	Số tiền							Ghi chú	
		Phần Thu				Phần chi				Số tiền
		Mức thu		Tổng thu		Dự toán	Thực hiện trong tháng	Lũy kế chi		Thực hiện trong tháng
		Dự toán	Thực hiện trong tháng	Thực hiện trong tháng	Lũy kế thu					
I	Nước uống cho học sinh		46.428.000	46.428.000	46.428.000					
1	Số tồn tháng 3 mang sang		40.708.000	40.708.000	40.708.000					
2	Phần thu	8.000 đ/ tháng /hs	5.720.000	5.720.000	5.720.000	0	0			
3	Phần chi									
4	Số còn tồn T4/2026			-					46.428.000	
II	Trông giữ phương tiện		104.569.500	104.569.500	104.569.500					
1	Số tồn tháng 3 mang sang		93.704.500	93.704.500	93.704.500					
2	Phần thu	Xe máy điện, xe đạp điện: 32.000đ/tháng/hs; xe đạp: 21.000đ/tháng /hs	10.865.000	10.865.000	10.865.000	0	0			
3	Phần Chi						93.023.200	93.114.200		
	Chi tiền công trông xe						79.443.200	79.443.200		
	Chi tiền quản lý						13.580.000	13.671.000		
4	Số còn tồn T4/2026								11.546.300	
III	Thu điện điều hòa lớp học		32.241.462							
1	Số tồn tháng 3 mang sang		29.342.609							
2	Phần thu	Thu theo thực tế	2.898.853	2.898.853	2.898.853					
3	Phần chi						11.208.908	11.208.908		
	Chi trả lại lớp 10A6 do nộp thừa						456.471	456.471		
	Chi nộp tiền điện T3/2026						10.752.437	10.752.437		
4	Số còn tồn T4/2026								21.032.554	
	Tổng cộng		19.483.853	19.483.853	19.483.853	0	104.232.108	104.323.108	79.006.854	